

Số: 136/2018/QĐST- HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Chè 6, xã V, thành phố T, tỉnh Q.

* *Bị đơn*: Chị Đinh Nguyệt Á, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Chè 6, xã V, thành phố T, tỉnh Q.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Đinh Trọng Ng, sinh năm 1956 và bà Lâm Thị T, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Thôn Chè 6, xã V, thành phố T, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55; 58; 81; 82; 83; 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Nguyệt Á.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 09/9/2009 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 02/10/2010 cho chị Đinh Nguyệt Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thứ hai cháu Nguyễn Bảo L, mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu

đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Anh Hiệp có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Nguyệt Á cùng xác định, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Đinh Trọng Ng và bà Lâm Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về quan hệ vay nợ chung:* Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Nguyệt Á không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng anh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí của vụ án nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số No 0005156 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Anh H đã nộp đủ án phí.

Chị Đinh Nguyệt Á không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Lan